

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 - 2022

*V/v tranh chấp “Chia tài sản
sau ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhân.

Bà Cao Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Vào các ngày 28 và 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản sau ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Nhật Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường H, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy uỷ quyền ngày 09/4/2022 tại Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thoại Huyền T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ làm việc: Công ty TNHH Thiên Kê

Địa chỉ: Số B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang,

Đại diện theo uỷ quyền: Đặng Hùng N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy uỷ quyền ngày 21/9/2022 tại Văn phòng Công chứng Cửu Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Kim O, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Trần Văn PH, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung, đơn rút yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Nhật Q có đại diện theo uỷ quyền là Trương Thị Thanh T trình bày:

Theo biên bản hoà giải ngày 22/7/2022 chị T trình bày: Anh Q và chị T trước đây là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 150/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Theo đó, tài sản chung sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, hiện tại không thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Tài sản chung gồm có:

- 01 đôi bông tay hột kim cương 3 ly 9.

Tạm tính: 30.012.000 đồng.

- 01 vòng tay loại 18k: 06 chỉ

Tạm tính giá vàng 18k hiện tại 4.400.000 đồng./chỉ x 06 chỉ = 26.400.000 đồng.

- 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ.

Tạm tính giá vàng 24k hiện tại 5.500.000 đồng./chỉ x 07 chỉ = 38.500.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 03 phân.

Tạm tính giá vàng 24k hiện tại 5.500.000 đồng./chỉ x 06 chỉ 03 phân = 34.650.000 đồng.

Toàn bộ số nữ T cưới hiện do chị T cất giữ.

Ngoài ra còn có 02 chiếc nhẫn cưới loại 18k mỗi chiếc nhẫn 03 phân, hiện nay mỗi người giữ 01 chiếc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. 01 chiếc xe SH Mode, biển số 63B4-88373 do chị T đứng tên, hiện do chị T quản lý sử dụng, tạm tính giá trị xe là 60.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2022: Anh Q trình bày: bổ sung yêu cầu là 01 chiếc nhẫn hột xoàn. Hiện do chị T cất giữ, tạm tính giá trị là 17.961.000 đồng.

Nay yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Nữ T cưới: 01 đôi bông hột xoàn 3 ly 9, 01 chiếc vòng tay loại 18k: 06 chỉ, 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn. Hiện do chị T cất giữ, tạm tính giá trị là 17.961.000 đồng. 01 chiếc xe SH Mode biển số 63B4-88373 do chị T đứng tên. Nguyên đơn xin nhận $\frac{1}{2}$ tài sản giá trị tạm tính là 94.781.000 đồng + 8.980.500 đồng, xin nhận hiện vật và yêu cầu chị T giao lại các tài sản 01 chiếc vòng tay loại 18k: 06 chỉ, 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn.

- Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện vào ngày 23/7/2022 và tại biên bản hoà giải ngày 07 và ngày 14/9/2022 đại diện nguyên đơn trình bày: Rút yêu cầu chia 01 chiếc xe SH Mode biển số 63B4-88373 do chị T đứng tên và 01 chiếc vòng tay 6 chỉ 18k.

Nay yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm:

Nữ T cưới: 01 đôi bông hột xoàn 3 ly 9, 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn. Hiện do chị T cất giữ, tạm tính giá trị là 17.961.000 đồng. Nguyên đơn xin nhận $\frac{1}{2}$ tài sản giá trị xin nhận bằng tiền.

- Việc chị T bán số nữ T cưới anh Q hoàn toàn không biết. Đối với sinh hoạt hàng ngày thì không có thiếu thốn như chị T trình bày, vợ chồng cùng chi. Nếu có thiếu hụt tiền bạc thì gia đình chồng sẽ hỗ trợ.

Đối với khoản nợ như chị T liệt kê tại biên bản hòa giải ngày 07/9/2022, chị T không yêu cầu cầu phản tố nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ vào bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thoại Huyền T trình bày:

- Ngày đám cưới là 29/02/2020. Ngày đám hỏi tháng 10 năm 2019. Ngày đám hỏi bên chồng có cậu Sáu đại diện có tuyên bố cho con dâu đeo bông hột xoàn 3ly 9; 02 chiếc lắc vàng 24 07 chỉ; 01 sợi dây chuyền 24k: 6 chỉ 3 phân, số nữ T mua ở tiệm vàng Ngọc Thắm do trước đám hỏi mẹ chồng và Q có dẫn chị đi mua. Riêng vòng tay 18k: 06 chỉ (là vòng xi men), trước lúc cưới mẹ ruột tôi cho riêng tôi chiếc kiềng trị giá khoảng 20 triệu, sau đó cách khoảng 4, 5 tháng sau khi cưới thì chị đi đổi ra bộ ximen 6 chỉ vàng 18 tôi có bù thêm 4,5 triệu tiền bù vô nữ T là tiền riêng của chị, đổi tại tiệm vàng Ngọc Thắm chị có đi cùng Q đến tiệm, chị không có giữ hóa đơn. Chiếc nhẫn hột xoàn trị giá 17.961.000 đồng là do mẹ chồng tên Bùi Thị Kim O dẫn đi mua tại tiệm vàng Ngọc Thắm mua trước đám hỏi khi mua mẹ bảo là “Con lựa đi rồi mẹ tặng con 1 chiếc nhẫn”, lúc đó có anh Q đi cùng, giấy mua nhẫn chị cũng không có giữ. Chiếc xe SH mode do chị đứng tên là tiền mượn của cha ruột tên Nguyễn Văn Giang mua tháng 1/2022 hiện chiếc xe đã bán vào tháng 4/2022 trước khi Tòa giải quyết li hôn, hiện không còn. Đến tháng 03 sang tên chiếc xe cho dì ruột Võ Thị Bích Phượng, sau đó dì của chị đã bán cho ai thì chị không biết. Tất cả nữ T cưới bên chồng cho thì chị đã bán lúc chưa li hôn, chị bán tại tiệm vàng Ngọc Thắm ở phường 8, chị bán 1 lần tất cả các tài sản trên vào tháng 2/2022. Lúc bán nữ T chị đi một mình, không ra hóa đơn, lí do bán để trả nợ khoảng nợ 42 triệu (sẽ bổ sung bản kê), khoản còn lại chi sinh hoạt gia đình trong mấy tháng dịch,

mua sữa tã cho con, hiện tại còn giữ khoảng 20 triệu. Lúc bán nữ T chị có nói với mẹ chồng là bán hết tài sản để trả nợ, còn 1 phần là để lo cho con. Lúc đó, là thời gian chuẩn bị ly hôn. Số tiền còn lại 20 triệu muốn để lại cho con.

Tại biên bản hoà giải ngày 07/9/2022 chị T trình bày:

Không liên lạc và cung cấp được thông tin cho Toà án về người đại diện nhà trai công bố cho vàng. Chị bán nữ T cưới được là 110 triệu đồng. Lúc bán vàng chị có báo với bà O nhưng bà O khai chị không có báo thì chị không đồng ý. Sinh hoạt gia đình bên chồng gồm có ba mẹ chồng, vợ chồng và con chung của anh chị, ngoại chồng. Sinh hoạt gia đình bên chồng do chị chi tiêu, mỗi tháng chị chi tiêu tiền điện nước 1 triệu đưa cho mẹ chồng, tiền chợ bữa 1.500.000 đồng/tuần, tiền tã sữa cho con 4.000.000 đồng/tháng. Tiền lương của chị mỗi tháng 5.6 triệu đồng, tiền lương của anh Q mỗi tháng là 5 triệu đồng, anh Q giữ. Hiện tại tiền bán vàng chỉ còn 20 triệu. Số nợ chung là 52 triệu đồng theo bảng kê nợ chung trong hôn nhân. Nếu có yêu cầu chia nợ chung thì chị sẽ nộp đơn yêu cầu thời hạn từ ngày 07/9/2022 đến ngày 14/9/2022 sẽ nộp đơn yêu cầu. Nếu không yêu cầu thì Toà án có quyền đưa vụ án ra xét xử.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Văn PH và Bùi Thị Kim O có đơn xin vắng mặt và có bản tự khai trình bày:

Số nữ T cưới đang tranh chấp 01 đôi bông hột xoàn 3 ly 9, 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn. Hiện do chị T cất giữ, tạm tính giá trị nhẫn hột xoàn là 17.961.000 đồng. Các tài sản trên là do gia đình tôi cho chung vợ chồng anh Q và chị T trong đám hỏi của chị T và anh Q vào tháng 10/2019 âm lịch, không PH cho riêng con dâu như chị T trình bày.

Sau khi cưới, chị T về sống chung với gia đình chúng tôi, sinh hoạt hằng ngày cũng không thiếu thốn hay nợ nần gì. Trước khi anh chị ly hôn, chị T không có nói với tôi chị T bán, vàng để trả nợ hoặc lo cho con cái.

Tại phiên tòa:

Chị Trương Thị Thanh T đại diện uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Đặng Hùng N là đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thoại Huyền T trình bày không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì số vàng cưới cho riêng chị T và chị T đã bán để trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, và sẽ khởi kiện yêu cầu trả nợ chung bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản là vàng cưới, sau khi đã ly hôn, và căn cứ vào nơi làm việc của bị đơn ở Mỹ Tho để khởi kiện.

Xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, tranh chấp “Chia tài sản sau ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về nội dung: Anh Trần Nhật Q và chị Nguyễn Thoại Huyền T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 150/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi ly hôn theo quyết định của Toà án, ngày 13/4/2022 anh Trần Nhật Q khởi kiện yêu cầu chia tài sản là vàng cưới sau ly hôn.

[2.1] Anh Q và chị T cùng người đại diện theo uỷ quyền của anh chị đều thừa nhận có số vàng cưới được gia đình anh Q cho vào ngày đám hỏi, gồm: 01 đôi bông hột xoàn 3 ly 9, 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn có giá trị là 17.961.000 đồng. Và cùng thừa nhận số vàng trên sau ngày đám hỏi thì giao cho chị T là người cất giữ. Nay anh Q yêu cầu được chia đôi số vàng trên. Chị T không đồng ý vì cho rằng đây là vàng cho riêng chị trong ngày đám hỏi và chị đã bán trong thời gian vợ chồng chuẩn bị ly hôn, chị bán vàng để chi tiêu gia đình và trả nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[2.2] Xét thấy: Chị T không đồng ý chia số vàng cho trong ngày đám hỏi với lý do là gia đình chồng cho riêng chị. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì chị T cũng như người đại diện theo uỷ quyền là anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là tài sản được cho riêng. Mặc khác, chị T thừa nhận nữ T cưới là của gia đình chồng cho, phía gia đình chồng chị T có ông Trần Văn PH và bà Bùi Thị Kim O có lời khai không thừa nhận cho riêng chị T số nữ T trên, mà là cho chung vợ chồng.

[2.3] Ngoài ra, phía đại diện uỷ quyền của chị T là anh N có cung cấp cho Toà án Trích lục kết hôn của anh Q và chị T. Thể hiện chị T và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2020 sau ngày được cho vàng cưới. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù số nữ T trên được cho vào ngày đám hỏi vào năm 2019, sau đó anh Q và chị T mới đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trên thực tế sau khi vợ chồng tổ chức lễ hỏi, cưới đa số họ mới thực hiện đăng ký kết hôn, nhưng sau ngày hỏi cưới thì đã được mọi người thừa nhận họ là vợ chồng, việc tặng cho vàng chỉ xảy ra khi có việc xác lập quan hệ hôn nhân.

[2.4] Căn cứ theo quy định tại Điều 43 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây không PH là tài sản riêng của chị T, nên anh Q yêu cầu chia số vàng cưới này là có cơ sở. Đối với lời khai của chị T về việc bán số vàng cưới để trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, do chị T không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu xác định nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu trên.

[2.5] Đối với số vàng nguyên đơn yêu cầu chia, xét thấy: 02 chiếc lắc tay loại 24k: 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền loại 24k: 6 chỉ 3 phân. 01 chiếc nhẫn hột xoàn có giá 17.961.000 đồng, sẽ chia đôi theo qui định tại Điều 16, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, mỗi người được 6.65 chỉ vàng 24 k Ngọc Thắm loại vàng nữ T và 8.980.500 đồng. Tuy nhiên, số vàng trên hiện chỉ T thừa nhận đã bán nên yêu cầu được nhận tài sản bằng tiền của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với qui định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Do đó, số vàng này sẽ được quy đổi thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: Vàng nữ T 24K Ngọc Thắm có giá 5.030.000đồng/chỉ.

[2.6] Riêng về yêu cầu chia đôi 01 đôi bông hột xoàn 3 ly 9, Hội đồng xét xử thiết nghĩ theo phong tục tập quán thì đôi bông cưới được xem như cái duyên của người phụ nữ khi lấy chồng, nên không xác định là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, không chấp nhận chia mỗi người $\frac{1}{2}$ theo yêu cầu của anh Trần Nhật Q.

[2.7] Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản là chiếc xe SH Mode biển số 63B4-88373 và 01 chiếc vòng tay 6 chỉ 18k, là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Q và chị T PH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 14, Điều 16, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 219 của Bộ luật dân sự;

Khoản 4 Điều 19 của Nghị định Số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính Phủ Về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Nhật Q về việc yêu cầu chia 01 chiếc xe SH Mode biển số 63B4-88373 và 01 chiếc vòng tay 6 chỉ loại vàng 18K.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Nhật Q.

Chia cho anh Trần Nhật Q và chị Nguyễn Thoại Huyền T mỗi người được 6,65 chỉ vàng Ngọc Thắm loại nữ T 24K, có giá trị là 33.449.500 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc nhẫn hột xoàn là 8.980.000 đồng, tổng cộng là: 42.429.500 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thoại Huyền T có trách nhiệm giao trả cho anh Trần Nhật Q giá trị tương đương 6.65 chỉ vàng nữ T 24K là 33.449.500 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị nhẫn hột xoàn là 8.980.000 đồng, tổng cộng là: 42.429.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đối với đeo bông hột xoàn 3 ly 9.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền PH trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên PH thi hành án còn PH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn PH thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Nhật Q PH chịu án phí về chia tài sản chung là 2.121.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo các biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, số 0022190 ngày 05/5/2022 với số tiền 2.000.000 đồng và số 0022316 ngày 01/6/2022 với số tiền tạm ứng 300.000 đồng, nên được hoàn lại số tiền 178.500 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thoại Huyền T PH chịu tiền án phí về chia tài sản chung là 2.121.500 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Nhật Q, chị Nguyễn Thoại Huyền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn PH và bà Bùi Thị Kim O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người PH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 30/9/2022 có mặt chị Trương Thị Thanh T nghe tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường 3;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.07

Phạm Thị Sắc Ly